

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 23/2023/TLST - DS ngày 17 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị S**, sinh năm: 1955.

Địa chỉ cư trú: ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn K**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã Q, huyện V, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1949.

Địa chỉ cư trú: ấp I, xã Q, huyện V, tỉnh L.

+ Bà **Phạm Thị D1**, sinh năm 1957.

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã Q, huyện V, tỉnh L.

+ Bà **Phạm Thị C1**, sinh năm 1961.

Địa chỉ cư trú: ấp X, xã T3, huyện Mc, tỉnh B.

+ Ông **Phạm Văn C2**, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh L.

+ Chị **Phạm Thị Ngọc D1**, sinh năm 1984.

+ Anh **Phạm Hữu P1**, sinh năm 1989.

+ Anh **Phạm Tấn T1**, sinh năm 1993.

+ Cháu **Nguyễn Thị Thanh N1**, sinh ngày: 29/11/2014.

+ Cháu **Nguyễn Bảo N2**, sinh ngày: 14/10/2017.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thị Thanh N1 và cháu Nguyễn Bảo N2 là chị Phạm Thị Ngọc D1.

+ Chị **Phạm Thị Ngọc H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: ấp Qh, xã Tn, huyện V, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Ngọc H, anh Phạm Hữu P1, anh Phạm Tấn T2 là chị Phạm Thị Ngọc D1.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chia di sản thừa kế của bà T4 chết để lại là phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 474,9m² thuộc thửa 620, tờ bản đồ số 03, đất thổ quả, tọa lạc tại ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh L do bà Nguyễn Thị T4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo di chúc ngày 21/02/2005. Phần bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị T, chị Phạm Thị Ngọc D1, ông Phạm Văn C2, ông Phạm Văn K được chia như sau:

+ Chia cho bà Phạm Thị S phần đất diện tích 148m² thuộc chiết thửa 2-4 (620-4) và chiết thửa 2-5 (620-5) (theo các mốc c, 3, d, 14, 13, 9, 10, 11, c), trong đó có 100m² đất ONT và 48m² đất CLN.

+ Chia cho bà Phạm Thị T phần đất diện tích 104m² thuộc chiết thửa 2-6 + 6-1 (620-6) (theo các mốc a, b, c, 11, 12, a), trong đó có 50m² đất ONT và 54m² đất CLN.

+ Chia cho chị Phạm Thị Ngọc D1 phần đất diện tích 50,8m² thuộc chiết thửa 2-1 (620-1) (theo các mốc d, e, f, g, h, i, j, k, l, m, n, o, p, q, 14, d), trong đó có 50m² đất ONT và 0,8m² đất CLN.

+ Chia cho ông Phạm Văn C2 phần đất diện tích 99,5m² thuộc chiết thửa 2-2 (620-2) (theo các mốc q, r, s, t, 13, 14, q), trong đó có 50m² đất ONT và 49,5m² đất CLN.

+ Chia cho ông Phạm Văn K phần đất diện tích 72,6m² thuộc chiết thửa 2-3 (620-3) (theo các mốc t, u, 9, 13, t), trong đó có 50m² đất ONT và 22,6m² đất CLN.

Vị trí, kích thước, giáp cận của các phần đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm kèm theo quyết định.

Các đương sự được quyền đi đăng ký kê khai biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản: Bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn K, bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn C2, chị Phạm Thị Ngọc D1 thống nhất mỗi người

sẽ nộp 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng), riêng bà Phạm Thị S phải nộp số tiền là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng). Vì vậy, ông Phạm Văn K, bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn C2, chị Phạm Thị Ngọc D1 mỗi người phải nộp 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà Phạm Thị S do bà Phạm Thị S đã nộp tạm ứng trước.

****Án phí dân sự sơ thẩm:***

Bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn K, bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn C2, chị Phạm Thị Ngọc D1 tự nguyện nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Bà Phạm Thị S và bà Phạm Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Phạm Thị Ngọc D1 phải nộp 887.000đ (tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phạm Văn C2 phải nộp 1.617.500đ (một triệu sáu trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phạm Văn K phải nộp 1.214.000đ (một triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, **7a, 7b** và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Quế Hương